

Bản án số: 03/2019/HSST

Ngày: 16/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng 2. Bà Võ Thu Trang

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Cán bộ
Toà án nhân dân TP TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TN tham gia phiên toà: Ông Phan
Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm
vụ án hình sự thụ lý số: 543/2018/HSST ngày 25/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 02/2019/QĐXXST - HS ngày 04/01/2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn B**; Sinh ngày 04 tháng 9 năm 1973 Giới tính: Nam;
Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: xóm TS 2, xã QT, thành phố TN, tỉnh TN;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không;
Trình độ học vấn: 0/12; Chức vụ (Đảng, đoàn thể, chính quyền) trước khi phạm
tội: Không; Con ông: Trần Văn Giới, sinh năm 1947; Con bà: Đồng Thị Oanh, (đã
chết), bị cáo là con duy nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Tại bản án số 388/1996/HSST ngày 21/10/1996 của Tòa án nhân dân thành
phố TN xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ra trại ngày 30/11/1997.
Miễn thi hành án ngày 30/9/2009.

+ Tại bản án số 189/2000/HSST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân thành
phố TN xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản 3.180.000
đồng). Ra trại ngày 04/01/2003. Miễn thi hành án ngày 30/9/2009.

+ Tại bản án số 251/2004/HSST ngày 14/12/2004 Tòa án nhân dân tỉnh TN
xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày
21/01/2011.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 134 ngày 04/7/1993, Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt
06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 209 ngày 28/9/1993, Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt
12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 242 ngày 25/11/1993, Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 6 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 03 bản án là 24 tháng tù giam. Ra trại ngày 20/4/1995.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2018)

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại: Anh Trần Quốc Hạnh, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Nước Hai, xã QT, thành phố TN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 22/7/2011, Trần Văn B đi xe đạp từ nhà ở xóm TS 2, xã QT, thành phố TN đến khu vực bến xe khách TN mang theo 01 kim điện màu đỏ, 01 (một) con dao quắm và 01 (một) đèn pin tự chế màu đen mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 2 giờ cùng ngày, B đạp xe đi theo đường cao tốc Quốc lộ 3 hướng đi khu vực xóm Nước Hai, xã QT, thành phố TN thì phát hiện có đường dây điện bên dưới đường dân sinh dẫn từ cầu chui vào nhà dân nên B nảy sinh ý định trộm cắp đường dây điện mục đích bán lấy tiền để mua ma túy. Lợi dụng lúc không có người qua lại, B dựng xe đạp trên đường Cao tốc, sau đó trèo lên cột điện bê tông của nhà anh Trần Quốc Hạnh dùng kim điện cắt dây dẫn điện gồm 02 (Hai) dây đồng vỏ PVC, 02 (hai) dây nhôm lõi A16 vỏ PVC dài tổng cộng 120m. Tiếp đó, B tháo 01 thanh sắt hàn trên cột điện dài khoảng 80cm rồi mang dây dẫn điện đốt bỏ phần nhựa lấy lõi đồng và lõi nhôm cho vào bao tải dứa đã chuẩn bị từ trước. Sau đó B buộc bao tải dứa lên xe đạp cùng thanh sắt tháo ở cột điện để mang đi bán nhưng chưa kịp bán thì bị tổ tuần tra kiểm soát Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh TN phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 22/7/2011 anh Hạnh đã đến Công an xã QT thành phố TN trình báo sự việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 294/HĐ ĐGTS ngày 16/11/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố TN, kết luận: 01 thanh sắt dài khoảng 80 cm khối lượng 02 kg định giá: 20.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 324/HĐ ĐGTS ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TN kết luận: 01 cuộn dây lõi điện nhôm, khối lượng 1,6 kg, định giá: 50.000 đồng; 01 cuộn dây lõi điện đồng, khối lượng 0,6 kg, định giá: 60.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà B trộm cắp được của anh Trần Quốc Hạnh là 130.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Lời khai nhận của Trần Văn B phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe đạp nữ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) đèn pin tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) dao quắm, đã qua sử dụng; 01 (một) kim cắt điện, đã qua sử dụng; 01 (một) bao tải dừa màu vàng; 01 (một) thanh sắt dài khoảng 80 cm, khối lượng 02 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện nhôm, khối lượng 1,6 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện đồng, khối lượng 0,6 kg. Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Phản dân sự: Ông Trần Quốc Hạnh không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 04/CT- VKSTPTN, ngày 24/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã truy tố Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 12 đến 18 tháng tù giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Vật chứng vụ án:

+Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe đạp nữ màu xanh, đã qua sử dụng, 01 (một) thanh sắt dài khoảng 80 cm, khối lượng 02 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện nhôm, khối lượng 1,6 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện đồng, khối lượng 0,6 kg.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đèn pin tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) dao quắm, đã qua sử dụng; 01 (một) kim cắt điện, đã qua sử dụng; 01 (một) bao tải dừa màu vàng.

Phản dân sự: Ông Trần Quốc Hạnh không có yêu cầu đề nghị gì.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem

xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn B tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 2 giờ 00 phút ngày 22/7/2011, tại khu vực xóm Nước Hai, xã QT, thành phố TN, Trần Văn B là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm trộm cắp tài sản 01 thanh sắt dài khoảng 80 cm, khối lượng 02 kg; 01 cuộn dây điện lõi nhôm, khối lượng 1,6kg; 01 cuộn dây điện lõi đồng, khối lượng 0,6 kg của gia đình nhà ông Trần Quốc Hạnh. Sau đó, B mang dây dẫn điện đốt bỏ phần nhựa lấy lõi đồng và lõi nhôm cho vào bao tải dứa đã chuẩn bị từ trước buộc lên xe đạp cùng với thanh sắt tháo ở cột điện để mang đi bán nhưng chưa kịp bán thì bị tổ tuần tra kiểm soát Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh TN phát hiện.

Tổng giá trị tài sản mà B trộm cắp là 130.000 đồng nhưng hành vi nêu trên của Trần Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào ngày 22/7/2011. Tội phạm và hình phạt của Trần Văn B được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng... đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được nhà nước bảo vệ. Vì vậy, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết nhằm răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự; có 03 tiền án: Tại bản án số 189/200/HSST ngày 21/12/2000, Tòa án nhân dân thành phố TN đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 04/01/2003, tại bản án số 251 ngày 14/12/2004 tiếp tục phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” ra trại ngày 21/01/2011 chưa xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn khai báo; bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS năm 2015.

[5]. Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân xấu, đã phạm tội Trộm cắp tài sản chưa xóa án tích lại tiếp tục phạm tội điều này chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, tuy nhiên do trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật thấp đã dẫn đến việc phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra, giải quyết vụ án bị cáo ra đầu thú và tự nguyện khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình, hiện bị cáo đang mắc căn bệnh xã hội, đang phải uống thuốc hàng ngày, vì vậy khi lượng hình HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo xét về hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ xét thấy là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội lẽ ra cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước, nhưng bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[7]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

+Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe đạp nữ màu xanh, đã qua sử dụng, 01 (một) thanh sắt dài khoảng 80 cm, khối lượng 02 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện nhôm, khối lượng 1,6 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện đồng, khối lượng 0,6 kg.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đèn pin tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) dao quắm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm cắt điện, đã qua sử dụng; 01 (một) bao tải dứa màu vàng.

[8]. Về phần dân sự: Ông Trần Quốc Hạnh không có yêu cầu đề nghị gì.

[9]. Bị cáo phải nộp án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên xử: Bị cáo Trần Văn B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 138 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B: 9 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 12/10/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

+Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe đạp nữ màu xanh, đã qua sử dụng, 01 (một) thanh sắt dài khoảng 80 cm, khối lượng 02 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện nhôm, khối lượng 1,6 kg; 01 (một) cuộn dây lõi điện đồng, khối lượng 0,6 kg

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đèn pin tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) dao quắm, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm cắt điện, đã qua sử dụng; 01 (một) bao tải dứa màu vàng.

3. Về phần dân sự: Ông Trần Quốc Hạnh không có yêu cầu đề nghị gì.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí toà án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- Công an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Minh Huệ

